

Bộ câu hỏi trắc nghiệm Thương mại quốc tế - Phần 4 có đáp án**1. Câu hỏi trắc nghiệm môn Thương mại quốc tế - Phần 4****Câu 1. Mô hình kim cương về lợi thế cạnh tranh Quốc gia của ai?**

- A. P.Koller
- B. Friedman
- C. Keynes
- D. M.Porter

Câu 2. Vốn đầu tư có các dòng chính là:

- A. Đầu tư trực tiếp và gián tiếp
- B. Đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp
- C. Đầu tư tư nhân và vốn ODA (hỗ trợ phát triển chính thức)
- D. ODA và đầu tư gián tiếp

Câu 3. Hình thức thương mại nào sau không diễn ra hành vi mua và bán?

- A. Xuất khẩu hàng hóa vô hình
- B. Tái xuất khẩu
- C. Chuyển khẩu
- D. Xuất khẩu tại chỗ

Câu 4. Tác giả của lý thuyết lợi thế so sánh tương đối là ai?

- A. A.Smith
- B. J.M. Keynes
- C. D.Ricardo
- D. P.Samuelson

Câu 5. Lý thuyết cú huých từ bên ngoài của ai?

- A. Rostow
- B. A.Friedman
- C. A.Smith

D. Ragnar Nurke

Câu 6. WTO được thành lập năm nào?

A. 1945

B. 1947

C. 1987

D. 1995

Câu 7. Vòng đàm phán Uruguay kết thúc năm nào?

A. 1986

B. 1992

C. 1993

D. 1995

Câu 8. Hiệp định thương mại Việt - Mỹ được ký kết năm nào?

A. 1995

B. 1998

C. 2000

D. 2002

Câu 9. Hệ thống tiền tệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Gion noa

B. Bretton Woods

C. Giamaica

D. Hệ thống tiền tệ châu Âu (EMS)

Câu 10. NAFTA là tên viết tắt thị trường tự do của khu vực nào?

A. Nam Mỹ

B. Bắc Mỹ

C. Đông Nam Á

D. Châu Phi

Câu 11. Nước thu hút FDI lớn nhất thế giới năm 2006?

- A. Mỹ
- B. Trung Quốc
- C. Anh
- D. Ấn Độ

Câu 12. Nước nào kết thúc đàm phán song phương với Việt Nam muộn nhất trong quá trình đàm phán vào WTO của Việt Nam?

- A. Trung Quốc
- B. Nhật Bản
- C. Mỹ
- D. Thụy Sĩ

Câu 13. Tỷ giá hối đoái của Việt Nam và Mỹ là 1USD = 16000VND. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là 7%, của Mỹ là 4%. Tỷ giá hối đoái sau lạm phát là bao nhiêu?

- A. 1USD = 28000VND
- B. 1USD = 9000VND
- C. 1USD = 16461VND
- D. Không phải các đáp án trên

Câu 14. Yếu tố nào sau đây không thuộc tài khoản vốn?

- A. Các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài
- B. Các khoản vay ngắn hạn
- C. ODA
- D. Cả A và B

Câu 15. Trong điều kiện chính phủ giảm lãi suất thì?

- A. Đầu tư giảm
- B. Lượng cung tiền trong lưu thông giảm đi

C. Lượng cung tiền trong lưu thông tăng lên

D. Cả A và B

Câu 16. Khi đồng Việt Nam tăng giá so với đồng đô la Mỹ thì?

A. Khuyến khích hàng hoá Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ

B. Khuyến khích hàng hoá Mỹ xuất khẩu sang Việt Nam

C. Hàng hoá của Việt Nam rẻ hơn hàng hoá của Mỹ

D. Cả A và C

Câu 17. Cán cân thanh toán quốc tế bao gồm nội dung sau?

A. Tài khoản vãng lai và tài khoản vốn

B. Tài khoản dự trữ chính thức quốc gia

C. Tài khoản chênh lệch số thống kê

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của nền kinh tế thế giới?

A. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới có xu hướng tăng chậm và không đồng đều nhau giữa các nước và các khu vực

B. Kinh tế khu vực Châu á – Thái Bình Dương nổi lên làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới chuyển dần về khu vực này

C. Xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới

D. Cả ba đáp án trên

Câu 19. Trong các hoạt động của các quan hệ kinh tế quốc tế dưới đây, hoạt động nào có vị trí quan trọng, giữ vị trí trung tâm mang tính phổ biến trong tất cả các quốc gia?

A. Thương mại quốc tế

B. Hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học công nghệ

C. Hợp tác đầu tư quốc tế

D. Các hoạt động dịch vụ quốc tế

Câu 20. Nội dung nào sau đây không thuộc nội dung của thương mại quốc tế?

- A. Xuất và nhập khẩu hàng hoá hữu hình
- B. Xuất và nhập khẩu hàng hoá vô hình
- C. Gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài
- D. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Câu 21. Quan điểm nào sau đây không thuộc trường phái trọng thương?

- A. Khẳng định vai trò của thương mại quốc tế. Đó là nguồn quan trọng mang về quý kim cho đất nước
- B. Chính phủ không cần can thiệp vào các hoạt động mậu dịch quốc tế. Hãy để cho thị trường tự do
- C. Việc buôn bán với nước ngoài không phải xuất phát từ lợi ích chung của cả hai phía mà chỉ có thu vén cho lợi ích quốc gia của mình
- D. Chỉ trả công xá thấp cho công nhân thôi bởi vì công xá cao sẽ làm cho con người lười biếng, chỉ thích ăn không ngồi rồi

Câu 22. Tính ưu việt nhất của lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo so với lý thuyết lợi thế tương đối của Adam Smith?

- A. Đề cao vai trò của cá nhân và các doanh nghiệp, ủng hộ một nền thương mại tự do, không có sự can thiệp của Chính phủ
- B. Thấy được tính ưu việt của chuyên môn hoá
- C. Ngay cả khi một quốc gia không có lợi thế tuyệt đối để sản xuất cả hai sản phẩm vẫn có lợi khi giao thương với một quốc gia khác được coi là có lợi thế tuyệt đối để sản xuất cả hai sản phẩm
- D. Cả A và C

Câu 23. Sự khác biệt của hạn ngạch nhập khẩu so với thuế quan nhập khẩu?

- A. Hạn ngạch nhập khẩu không đem lại thu nhập cho chính phủ và không có tác dụng hỗ trợ cho các loại thuế khác

- B. Hạn ngạch nhập khẩu có thể biến một doanh nghiệp trong nước thành một nhà độc quyền
- C. Hạn ngạch nhập khẩu đưa tới sự hạn chế số lượng nhập khẩu, đồng thời gây ảnh hưởng đến giá nội địa hàng hoá
- D. Cả A và B

Câu 24. Hình thức nào không phải là đầu tư trực tiếp nước ngoài?

- A. Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh
- B. Hỗ trợ phát triển chính thức ODA
- C. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- D. Doanh nghiệp liên doanh

Câu 25. Lợi thế của đầu tư gián tiếp nước ngoài?

- A. Bên tiếp nhận vốn đầu tư hoàn toàn chủ động trong sử dụng vốn, do đó vốn đầu tư được phân bổ hợp lý cho các vùng, các ngành, các lĩnh vực
- B. Giúp chủ đầu tư nước ngoài tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch và chiếm lĩnh thị trường nước sở tại
- C. Chủ đầu tư nước ngoài ít chịu rủi ro vì lợi nhuận thu được luôn theo một tỷ lệ lãi suất nhất định
- D. Cả A và C

Câu 26. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái?

- A. Mức chênh lệch lạm phát giữa các quốc gia
- B. Mức độ tăng hay giảm thu nhập quốc dân giữa các nước
- C. Mức chênh lệch lãi suất giữa các nước
- D. Tất cả các đáp án trên

Câu 27. Hệ thống tiền tệ quốc tế Bretton Woods ra đời khi nào?

- A. Trước chế độ bản vị vàng hối đoái
- B. Sau chế độ bản vị vàng hối đoái

- C. Sau hệ thống Jamaica
- D. Sau hệ thống tiền tệ châu Âu EMS

Câu 28. Chế độ tỉ giá thả nổi có quản lý được chính thức thừa nhận trong hệ thống tiền tệ quốc tế nào?

- A. Chế độ bản vị vàng
- B. Chế độ bản vị vàng hối đoái
- C. Hệ thống Bretton Woods
- D. Hệ thống Jamaica

Câu 29. Tỉ giá hối đoái giữa đồng VND và đồng ECU được xác lập như sau: 1 ECU = 21.000 VND. Giả sử tỉ lệ lạm phát năm 2000 của Việt Nam là 6% và EU là 4%. Hãy xác định tỉ giá hối đoái sau lạm phát?

- A. 1 ECU = 31.000 VND
- B. 1 ECU = 14.000 VND
- C. 1 ECU = 20.604 VND
- D. 1 ECU = 21.404 VND

Câu 30. Giả sử lãi suất trên thị trường vốn giảm thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến lượng cung tiền trong lưu thông?

- A. Lượng cung tiền trong lưu thông tăng
- B. Lượng cung tiền trong lưu thông giảm
- C. Lượng cung tiền trong lưu thông không thay đổi
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 31. Sức mua của đồng nội tệ sẽ thay đổi như thế nào so với đồng ngoại tệ khi ta có dữ liệu sau: Năm 2000: 1 NDT = 2.000 VND; Năm 2001: 1 NDT = 2.100 VND.

- A. Tăng lên
- B. Giảm xuống

C. Không đổi

D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 32. Nếu đồng VND mất giá so với đồng USD thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động đầu tư từ trong nước ra nước ngoài?

A. Thuận lợi

B. Khó khăn

C. Không bị ảnh hưởng

D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 33. Xu hướng nào sau đây không phải là xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế quốc tế?

A. Khu vực hóa toàn cầu hóa

B. Sự liên kết của những nước lớn có nền kinh tế phát triển

C. Sự phát triển vòng cung Châu Á- Thái Bình Dương

D. Sự phát triển của khoa học công nghệ

Câu 34. Xu hướng chi phối đến hoạt động thương mại của các quốc gia là?

A. Bảo hộ mậu dịch

B. Tự do hóa thương mại

C. Các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao có sức cạnh tranh mạnh mẽ

D. Cả A và B

Câu 35. Nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế là?

A. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng thị trường ra nước ngoài

B. Phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước

C. Bảo vệ thị trường nội địa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước đứng vững và vươn lên trong hoạt động kinh doanh quốc tế

D. Cả A và C

Câu 36. Ý nào sau đây không phản ánh được đặc điểm của thuế quan nhập khẩu?

- A. Phụ thuộc vào mức độ co giãn của cung cầu hàng hóa
- B. Biết trước được sản lượng hàng nhập khẩu
- C. Mang lại nguồn thu cho nhà nước
- D. Cả A và B

Câu 37. Thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu sẽ làm?

- A. Làm giảm “lượng cầu quá mức” đối với hàng hóa có thể nhập khẩu
- B. Làm giảm “lượng cung quá mức” trong nước đối với hàng có thể xuất khẩu
- C. Làm giảm “lượng cung quá mức” đối với hàng hóa có thể nhập khẩu
- D. Cả A và B

Câu 38. Vốn FDI được thực hiện dưới hình thức

- A. Hợp tác liên doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh
- B. Doanh nghiệp liên doanh
- C. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- D. Cả 3 ý trên

Câu 39. Các đối tác cung cấp ODA?

- A. Tư nhân và các tổ chức phi chính phủ
- B. Chính phủ nước ngoài
- C. Các tổ chức chính phủ hoặc liên chính phủ quốc gia
- D. Cả B và C

Câu 40. Chế độ bản vị vàng hối đoái thuộc

- A. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ nhất
- B. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ hai
- C. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ ba
- D. Hệ thống tiền tệ quốc tế thứ tư

Câu 41. Giả sử thu nhập quốc dân của Mỹ tăng lên trong khi đó thu nhập của Việt Nam không thay đổi thì?

- A. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ giảm
- B. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ tăng
- C. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ không thay đổi
- D. Tỷ giá hối đoái giữa USD và VND sẽ thay đổi phụ thuộc vào sản lượng xuất nhập khẩu

Câu 42. Trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất thì?

- A. Nhà đầu tư giảm, tiết kiệm của người dân tăng
- B. Nhà đầu tư giảm, tiết kiệm của người dân giảm
- C. Nhà đầu tư tăng, tiết kiệm của người dân tăng
- D. Nhà đầu tư tăng, tiết kiệm của người dân giảm

Câu 43. Cho tỷ giá hối đoái giữa hai Quốc gia là: 1HKD = 2069VND. Nếu tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam là 5% và ở Hồng Kong là 3%. Thì tỷ giá hối đoái sau lạm phát là?

- A. 1HKD = 2069VND
- B. 1HKD = 2169VND
- C. 1HKD = 2109VND
- D. 1HKD = 2269VND

Câu 44. Nguồn vốn ODA thuộc tài khoản nào?

- A. Tài khoản vãng lai
- B. Tài khoản vốn
- C. Tài khoản dự trữ chính thức Quốc gia
- D. Tài khoản chênh lệch số thống kê

Câu 45. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên thì?

- A. Nhập khẩu giảm, xuất khẩu tăng

- B. Nhập khẩu tăng, xuất khẩu giảm
- C. Đầu tư trong nước ra nước ngoài tăng lên
- D. Cả A và C

Câu 46. Khi chính phủ giảm thuế quan nhập khẩu thì?

- A. Thu nhập chính phủ giảm, thặng dư nhà sản xuất giảm
- B. Thu nhập chính phủ tăng, thặng dư nhà sản xuất giảm
- C. Thu nhập chính phủ tăng, thặng dư nhà sản xuất tăng
- D. Thu nhập chính phủ giảm, thặng dư nhà sản xuất tăng

Câu 47. Tỷ giá hối đoái giữa đồng NDT với đồng Việt Nam là: 1 NDT = 2000 VND. Lạm phát của Việt Nam là 2%, lạm phát của Trung Quốc là 4%. Tỷ giá hối đoái sau lạm phát là?

- A. 1 NDT = 1000
- B. 1 NDT = 4000
- C. 1 NDT = 2039,216
- D. 1 NDT = 1961,538

Câu 48. Trong điều kiện chính phủ tăng lãi suất thì?

- A. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông tăng
- B. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông giảm
- C. Lượng cung tiền thực tế trong lưu thông không thay đổi
- D. Cả ba câu trên đều sai

Câu 49. Vốn ODA thuộc tài khoản nào trong cán cân thanh toán quốc tế?

- A. Tài khoản vãng lai
- B. Tài khoản vốn
- C. Tài khoản dự trữ chính thức
- D. Tài khoản chênh lệch số thống kê

Câu 50. Hệ thống Bretton Woods là một chế độ?

- A. Tỷ giá hối đoái thả nổi tự do
- B. Tỷ giá hối đoái cố định
- C. Tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý
- D. Tỷ giá hối đoái cố định có điều chỉnh

2. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm môn Thương mại quốc tế - Phần 4

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	C	Câu 26	D
Câu 2	C	Câu 27	B
Câu 3	C	Câu 28	D
Câu 4	C	Câu 29	D
Câu 5	D	Câu 30	A
Câu 6	D	Câu 31	B
Câu 7	C	Câu 32	B
Câu 8	C	Câu 33	B
Câu 9	B	Câu 34	D
Câu 10	B	Câu 35	D
Câu 11	A	Câu 36	D
Câu 12	C	Câu 37	D
Câu 13	C	Câu 38	D
Câu 14	C	Câu 39	D
Câu 15	C	Câu 40	B
Câu 16	B	Câu 41	A

Câu 17	D	Câu 42	A
Câu 18	D	Câu 43	C
Câu 19	A	Câu 44	A
Câu 20	D	Câu 45	D
Câu 21	B	Câu 46	D
Câu 22	C	Câu 47	D
Câu 23	D	Câu 48	C
Câu 24	B	Câu 49	A
Câu 25	D	Câu 50	D



vndoc